TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2021/DS-ST
Ngày: 20-4-2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân TB;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1949, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân TB.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trương Công Đ, sinh năm 1981, chức vụ: Trưởng bộ phận tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân TB, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2021 (có mặt);

Địa chỉ: Kp2, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Phước Nh, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1943 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

- Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M40, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 3 B A, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Trương Văn V, sinh năm 1960 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt);
- Ông Trương VY, sinh năm 1963 (vắng mặt);
- Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị UT, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp KH B, xã ĐT, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2018 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân TB trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 13/6/2016, Quỹ tín dụng nhân dân TB có cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh vay số tiền 85.000.000 đồng tiền vốn gốc, theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: 1606036/HĐTD; khi vay bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M1 có thế chấp cho Quỹ tín dụng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q. Theo hợp đồng ký kết, 03 tháng bà Th và ông Nh phải trả lãi 01 lần và trả vốn gốc dứt điểm khi hết hạn hợp đồng, nhưng từ ngày vay đến nay không thực hiện trả lãi và vốn gốc lần nào.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 13/10/2018 là 127.689.000 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 14/10/2018 cho đến khi trả xong món nợ. Đồng thời, xử lý tài sản mà bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M1 thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau*:

Vào năm 2016, ông Nguyễn Văn M có vay của số tiền Quỹ tín dụng nhân dân TB thì bà có đứng ra ký hợp đồng vay vốn để đáo hạn khoản tiền vay trước đó, khi đó bà và chồng của bà là ông Nguyễn Phước Nh có ký hợp đồng vay số tiền vốn gốc là 85.000.000 đồng và thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M1 đến nay chưa trả số tiền trên cho Quỹ tín dụng, tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền bà, ông Nh và ông D- Giám đốc Quỹ tín dụng thỏa thuận sau này Quỹ tín dụng yêu cầu ông Nguyễn Văn M trả, không được yêu cầu vợ chồng bà trả khoản nợ nói trên. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu bà và ông Nh trả khoản nợ nói trên bà không đồng ý.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1 trình bày như sau*:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Q (chết tháng 12/2016). Bà với ông Q có 06 người con: Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị UT. Nay Quỹ tín dụng nhân dân TB khởi kiện buộc ông Nh, bà Th trả nợ vay và xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất giữa bà và ông Q, bà không yêu cầu gì, bà cố gắng động viên Nh và Th trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB. Đối với Quyền sử dụng đất thế chấp cho Quỹ tín dụng hiện nay con trai bà là Trương Văn V đang thuê sử dụng.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr trình bày như sau*:

Bà là con của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1, trước đây bà có nghe nói bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh và ông Nguyễn Văn M có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân TB, khi vay bà Th, ông Nh và ông M có thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Q và bà M1, nhưng bà không biết cụ thể vay số tiền là bao nhiêu, mục đích vay sử dụng tiền vào việc gì. Nay Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn TB khởi kiện trả tiền vay và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo việc trả nợ bà không có ý kiến yêu cầu gì, vì bà có gia đình sinh sống riêng cách nay hơn 30 năm.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị UT trình bày như sau*:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1 gồm có các người con: Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn

Thị UT. Chị xác định cha của chị là ông Nguyễn Văn Q không có người vợ nào khác ngoài mẹ của chị là bà Nguyễn Thị M1. Qua yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân TB đối với ông Nh, bà Th thì trường hợp Quỹ tín dụng đồng ý giảm hết phần lãi suất, chị sẽ đứng ra trả hết phần nợ gốc cho Quỹ tín dụng mà ông Nh, bà Th đã vay để lấy tài sản thế chấp về, trường hợp Quỹ tín dụng không đồng ý giảm hết phần lãi thì chị yêu cầu chia cho chị một phần tài sản của cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1 theo quy định của pháp luật, và chị đồng ý bán phần tài sản mà ông Nh và bà Th thế chấp khi vay tiền tại Quỹ tín dụng để cho Quỹ tín dụng thu hồi nợ. Chị xác định tài sản mà ông Nh, bà Th thế chấp cho Quỹ tín dụng là đất trồng lúa và nuôi tôm, hiện nay ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/10/2020 và đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 30/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày và yêu cầu như sau*:

Ông là con của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1, trước đây ông có biết bà Th và ông Nh vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân TB nhưng ông không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu, khi vay ông Nh và bà Th có thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Q, bà M1. Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông đồng ý, ông không có ý kiến hoặc yêu cầu giải quyết gì cho cho ông. Do ông đi làm ăn xa không tham gia giải quyết vụ án được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông, các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho ông gửi cho em ông là bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: ấp HT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nhận dùm, ông cam kết không yêu cầu khiếu nại gì về sau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY và bà Trương Thị Đ*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và thông báo tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY và bà Trương Thị Đ với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà T1, ông V, bà H, ông VY và bà Đ nhưng các ông bà không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tại Công văn số: 369/UBND-NCPC ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang xác định*:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử

dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên là cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q theo hình thức tự kê khai đăng ký và được công nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm cấp Quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q không có chủ trương điều tra nhân hộ khẩu nên huyện An Biên không xem xét.

** Tại Biên bản xác minh ngày 29/01/2020 và Biên bản xác minh ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xác định được*:

Ông Nguyễn Văn T, cư trú: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay ông không có sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng về địa phương, thời gian mỗi lần về không xác định được. Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1 có các người con: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị UT.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy đề nghị vay vốn; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người thứ ba số: 036/06 ngày 13/6/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân TB và bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M1; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q; Hợp đồng tín dụng số: 1606036/HĐTD ngày 13/6/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân TB và bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh; Công văn số: 369/UBND-NCPC ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; Xác nhận ngày 28/8/2020 của Công an xã NY; Sổ hộ khẩu hộ bà Nguyễn Thị M1; Biên bản xác minh ngày 29/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; Biên bản xác minh ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa*:

Người đại diện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2021 là 176.715.000 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2021 cho đến khi trả xong nợ. Đồng thời, xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M1 thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY, chị Nguyễn Thị UT vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Bị đơn ông Nguyễn Phước Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viện phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân TB thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đến lần thứ hai đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì ngày 13/6/2016, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh có vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân TB với số tiền vay vốn gốc là 85.000.000 đồng. Khi vay bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M1 có thế chấp Quỹ tín dụng tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q, từ khi vay đến nay bà Th, ông Nh chưa trả số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2021 bà Th, ông Nh nợ Quỹ tín dụng là 176.715.000 đồng. Nay Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu bà Th và ông Nh phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2021 là 176.715.000 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2021 cho đến khi trả xong nợ. Đồng thời, xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất mà bà Th, ông Nh, ông Q, bà M thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh trả tiền vay còn nợ và xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M thế chấp trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân TB. Bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh có nơi cư trú tại: ấp HT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại

khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi khởi kiện Quỹ tín dụng nhân dân TB không khởi kiện đối với ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY, bà Trương Thị Đ và chị Nguyễn Thị UT nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy ông V, bà H, ông VY, bà Đ và chị UT là con của ông Nguyễn Văn Q đã chết và là người đang thuê sử dụng diện tích đất thế chấp nên Tòa án đưa ông V, bà H, ông VY, bà Đ và chị UT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY, bà Trương Thị Đ, chị Nguyễn Thị UT biết và ấn định thời gian để bà Th, ông Nh, ông M, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông Trương VY, bà Đ và chị Ut có ý kiến về việc Quỹ tín dụng nhân dân TB khởi kiện yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản thế chấp trả nợ nhưng bà Th, ông Nh, ông M, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông VY, bà Đ và chị UT không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Th, ông Nh, ông M, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông Trương VY, bà Đ và chị UT vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Th, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông VY và chị UT nhưng bà Th, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông VY và chị UT vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, ông Nh, ông M và bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng măt các ông bà. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai người đại diện Quỹ tín dụng nhân dân TB không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th, ông Nh, ông M, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông Trương VY, bà Đ và chị UT theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân TB yêu cầu bà Th và ông Nh phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày

20/4/2021 là 176.715.000 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2021 cho đến khi trả xong món nợ. Đồng thời, xử lý tài sản mà bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân TB để thu hồi nợ. Bà Th xác định, bà có đứng ra ký hợp đồng vay vốn để đáo hạn khoản tiền vay trước đó cho ông Nguyễn Văn M, khi đó bà và ông Nh có ký hợp đồng vay số tiền vốn gốc là 85.000.000 đồng và thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Q, bà M1 đến nay chưa trả số tiền trên cho Quỹ tín dụng, tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản, bà, ông Nh và ông D- Giám đốc Quỹ tín dụng thỏa thuận sau này Quỹ tín dụng yêu cầu ông M trả, không được yêu cầu vợ chồng bà trả khoản nợ nói trên; chị UT đề nghị Quỹ tín dụng giảm hết phần lãi suất, chị sẽ đứng ra trả hết phần nợ gốc cho Quỹ tín dụng mà ông Nh, bà Th đã vay để lấy tài sản thế chấp về, trường hợp Quỹ tín dụng không đồng ý giảm hết phần lãi thì chị yêu cầu chia cho chị một phần tài sản của cha mẹ chị và chị đồng ý bán phần tài sản mà ông Nh và bà Th thế chấp khi vay tiền tại Quỹ tín dụng để trả cho Quỹ tín dụng thu hồi nợ; ông Nh, ông M, bà M1, ông T, bà Tr, bà T1, ông V, bà H, ông VY và bà Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết gì cho các ông bà.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau, có đủ cơ sở xác định được ngày 13/6/2016, Quỹ tín dụng nhân dân TB có cho bà Th và ông Nh vay số tiền vốn gốc là 85.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: 1606036/HĐTD, lãi suất trong hạn là 1,24 %/ tháng, lãi suất quá hạn không quá 150% của lãi suất trong hạn; khi vay bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 có thế chấp cho Quỹ tín dụng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q, tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người thứ ba số: 036/06 ngày 13/6/2016 là có thật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ý kiến trình bày của bà Th cho rằng, bà có đứng ra ký hợp đồng vay vốn để đáo hạn khoản tiền vay trước đó cho ông M, khi đó bà và ông Nh có ký hợp đồng vay số tiền vốn gốc là 85.000.000 đồng và thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Q, bà M1, đến nay chưa trả số tiền trên cho Quỹ tín dụng, tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền bà, ông Nh và ông D- Giám đốc Quỹ tín dụng thỏa thuận sau này Quỹ tín dụng yêu cầu ông M trả số tiền vay vốn gốc và lãi nêu trên, không được yêu cầu bà ông Nh trả nợ nói trên nhưng bà Th không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là bà, ông Nh và ông D- Giám đốc Quỹ tín dụng thỏa

thuận sau này Quỹ tín dụng yêu cầu ông M số tiền vay vốn gốc và lãi nêu trên, không được yêu cầu bà và ông Nh trả khoản nợ nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện Quỹ tín dụng không thừa nhận việc bà Th nêu trên là không có cơ sở xem xét. Trường hợp bà Th và ông Nh nếu có vay tiền đưa cho ông M trả tiền đáo hạn cho Quỹ tín dụng thì bà Th và ông Nh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng xong thì bà Th và ông Nh có quyền khởi kiện yêu cầu ông M trả lại khoản tiền vay đáo hạn nêu trên và sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Xét ý kiến trình bày của chị UT cho rằng, đề nghị Quỹ tín dụng giảm hết tiền lãi, chị sẽ đứng ra trả hết phần nợ gốc cho Quỹ tín dụng mà ông Nh, bà Th đã vay để lấy tài sản thế chấp về, trường hợp Quỹ tín dụng không đồng ý giảm hết lãi thì chị yêu cầu chia cho chị một phần tài sản của cha mẹ chị và chị đồng ý bán phần tài sản mà ông Nh và bà Th thế chấp khi vay tiền tại Quỹ tín dụng để cho Quỹ tín dụng thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 thế chấp tài sản để đảm bảo việc trả nợ vay cho Quỹ tín dụng, sau đó ông Q chết cho đến nay bà Th, ông Nh và bà M1 chưa thực hiện xong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì không làm chấm dứt hợp đồng thế chấp, mà hợp đồng chỉ chấm dứt trong trường hợp "*Hợp đồng đã được hoàn thành; Theo thỏa thuận của các bên; Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện"*. Do đó, phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến nay chị UT không làm đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì yêu cầu Tòa án giải quyết, trong khi Tòa án thông báo cho chị đến tham gia các phiên họp và phiên tòa nhưng chị không tham gia mà không có lý do trở ngại khách quan gì nếu sau này chị có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu người đại diện của nguyên đơn, buộc ông Nh và bà Th trả cho Quỹ tín dụng nhân dân TB tiền vay còn nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2021 là 176.715.000 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2021 cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: 1606036/HĐTD ngày 13/6/2016 là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền, bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 có thế chấp cho Quỹ tín dụng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q, tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người thứ ba số: 036/06 ngày 13/6/2016 là thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 292 và Điều 298 của Bộ luật dân sự. Do đó, Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất mà bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 đã thế chấp để bảo đảm cho việc trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật dân sự, có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Quỹ tín dụng theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật dân sự để thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng. Cụ thể: Trường hợp bà Th và ông Nh không thực hiện hoặc chậm thực hiện trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q, tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang để trả nợ khoản tiền vay nói trên cho Quỹ tín dụng. Trường hợp diện tích đất thế chấp đảm bảo trả nợ vay thừa hoặc thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thi hành án có quyền thi hành theo diện tích đất xem xét, thẩm định thực tế để thi hành đảm bảo việc trả tiền vay cho Quỹ tín dụng. Trường hợp có phát sinh tài sản trên diện tích đất đang thế chấp đảm bảo trả nợ vay cho Quỹ tín dụng thì các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, nếu không thỏa thuận được thì một trong các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác. Trường hợp bà Th, ông Nh tự nguyện thanh toán xong số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng thì phía Quỹ tín dụng làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY và bà Trương Thị Đ không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về án phí, bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân TB không phải chịu án phí được hoàn trả lại

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 292, Điều 298, khoản 1 Điều 299, Điều 303, Điền 429, Điều 463, Điều 466, điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 469, khoản 2 Điều 470 và Điều 615 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 6 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước Nh trả cho Quỹ tín dụng nhân dân TB tiền vay còn nợ vốn gốc và lãi tính đến ngày 20/4/2021 là 176.715.000 đồng. Trong đó: số tiền vốn gốc là 85.000.000 đồng, tiền lãi là 91.715.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/4/2021 cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: 1606036/HĐTD ngày 13/6/2016.

2. Về tài sản để bảo đảm việc trả nợ: Trường hợp bà Th và ông Nh không thực hiện hoặc chậm thực hiện trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TB thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W016170, thửa đất số 50, 51 và 52, tờ bản đồ số 3-1, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000378, diện tích 16.372 mét vuông, ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên, cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Q, tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang để trả nợ khoản tiền vay nói trên cho Quỹ tín dụng. Trường hợp diện tích đất thế chấp đảm bảo trả nợ vay thừa hoặc thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thi hành án có quyền thi hành theo diện tích đất xem xét, thẩm định thực tế để thi hành đảm bảo việc trả tiền vay cho Quỹ tín dụng. Trường hợp có phát sinh tài sản trên diện tích đất đang thế chấp đảm bảo trả nợ vay cho Quỹ tín dụng thì

các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, nếu không thỏa thuận được thì một trong các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác. Trường hợp bà Th, ông Nh tự nguyện thanh toán xong số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng thì phía Quỹ tín dụng làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho bà Th, ông Nh, ông Q và bà M1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên theo quy định của pháp luật.

3. Bà Th và ông Nh nếu có vay tiền đưa cho ông M trả tiền đáo hạn cho Quỹ tín dụng thì bà Th và ông Nh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng xong thì bà Th và ông Nh có quyền khởi kiện yêu cầu ông M trả lại khoản tiền vay đáo hạn nêu trên và sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị UT không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này chị có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Trương VY và bà Trương Thị Đ không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.835.750 đồng (176.715.000 đồng x 5%).

Quỹ tín dụng nhân dân TB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 3.192.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005914 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/4/2021. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo